

SỐ 1767

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH SỚ

Đời Tùy, Pháp sư Chương An Quán Đảnh soạn.

Đời Đường Sa-môn Tràm Nhiên, tông Thiên Thai hiệu đính.

QUYỂN 1

BÀI TỰA KINH NIẾT-BÀN BẢN NAM

Đời Nguyên, Viện Sùng Thánh Sa-môn Sư Chánh thuộc tông Thiên Thai soạn thuật.

Đức Phật của chúng ta là bậc Đại Thánh trong hội Song lâm cuối cùng giảng nói kinh này cho các Tỳ-kheo đời mạt pháp và các chúng sinh trên khắp mặt đất rõ tâm thấy tánh, đầy đủ giới luật, mở rộng tông Thường, Ma-ha Chỉ Quán nương theo đó mà phò luật bản Thường. Dù cho chuộc mạng bằng châu báu, nên kinh nói: Nếu kinh này còn thì Phật pháp còn, nếu kinh này diệt thì Phật pháp diệt, mạng mạch của Phật pháp còn mất đều lệ thuộc vào đó. Bắt đầu từ việc Thư Cừ Mông Tổn thỉnh Pháp sư Đàm-vô-sấm và Pháp sư Mãnh hai lần phiên dịch, gồm mười ba quyển, thành bốn mươi pho, lưu hành về phương Bắc. Đến đời Tống Văn Đế ban sắc cho hai sư Nghiêm và Quán, đồng cảm tạ Khang Lạc, lại cùng nhau trị định, chia thành hai mươi lăm phẩm, rút ngắn thành ba mươi sáu pho, lưu hành về Giang Nam. Trong thời gian đó, người nói, nghe, lãnh ngộ rất đông, các tác phẩm được soạn ra cũng nhiều, như Tăng truyện có ghi. Cách Thánh càng xa, thần căn chuyển hành trì độn. Tổ của tôi là Tôn giả Chương An dựa theo Tông chỉ của Long Thọ và dùng nghĩa môn Thiên Thai soạn sớ chia kinh rất phù hợp với ý Phật, ngài Kinh Khê san bổ, đạo pháp thêm sáng. Sau khi ngài

Từ Vân ở Tứ Minh giảng Cô Sơn Tác Ký thì thưa thớt ít người nghe. Vì sao? Vì văn kinh mênh mông, nghĩa sớ sâu kín, thêm vào đó khoa chưa nhập kinh, khó bề tìm kiếm. Ngài Sư Chánh khắc chí sách này có lúc hoàn thành. Vào năm Nhâm thân đời Tống, Pháp sư Ngụ Cổ Nguyên làm Thượng thủ dưới trướng ngài Vĩnh Thanh Luân, bèn mô phỏng theo thể lệ của kinh Pháp Hoa và Quang Minh dùng khoa cú của sớ phân nêu trong kinh. Những gì sớ không nhắc lại là đều khó quyết định, cùng các bạn phân tích qua lại. Phương trượng chủ quyết định thì phải quy về đây. Mỗi đêm nhóm họp dưới mái Mạo Phong, chuyên nhau nghe đọc kinh khoa sớ ký. Việc dự định nhóm họp này là do Đại Từ Hoài Tống, Báo Từ Đại Thành, Đại Vân Cư Giải, Thọ Tinh Văn Thắng, Long Hoa Thanh Chính, Viên Hoa Hoài Thần, Thiên Trúc Pháp Hàng. Bắt đầu từ tháng tám mùa Thu này và kết thúc vào cuối mùa Xuân năm sau, Vô Cực Đông Đường đáng độ, được hiệu đính lại. Tăng Lục Đạo An ở Bạch Vân Cổ Sơn xem xét lưu thông, nguyện cùng người sau thọ trì đọc tụng, đúng như lời dạy tu hành. Trên không cô phụ Phật Tổ, dưới không quên bỏ tánh linh của mình.

Chúc thọ một người mà công đức thắm nhuần chín cõi. Soạn lời tựa vào ngày Thánh chế, năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Chí Nguyên.

PHẨM 1: TỰA (PHẦN ĐẦU)

Từ xưa đã chủ trương việc y văn giải thích ý nghĩa, còn chia chương đoạn bắt đầu phát khởi từ Tiểu Sơn Dao, Quan Nội Phùng v.v... Do đây thành phép tắc. Nên văn cú của kinh này kéo dài ra, rút ngắn lại chẳng phải một mà có đến hai, ba, bốn, năm, bảy, tám loại. Như Lương Vũ Đế chỉ lập trung tiền, trung hậu; Khai Thiện chỉ lập phần Tựa và Chánh tông; Quang Trạch lại thêm phần Lưu thông; Linh Vị thì hỏi có duyên khởi, đáp thì có dư thế; Hà Tây lập ra năm môn; Bà-tẩu nêu bảy phần; Hưng Hoàng lập tám môn. Tuy mỗi môn đều có điểm đặc sắc riêng mà đều cho kinh ngăn che, luận khai mở, như “mục nữ thêm nước” là ngăn che, “làm cạn chỗ sâu, chia bớt gánh nặng” là khai mở.

Nay kinh này được chia làm năm môn, qua bảy phần giải thích:

- 1.- Nêu chương.
- 2.- Chỉ chỗ.
- 3.- Giải thích tên gọi.

- 4.- Sinh khởi.
- 5.- Chung riêng.
- 6.- Dẫn chứng.
- 7.- Giải thích khác.

1/ Nêu chương: gồm có năm:

- Triệu thỉnh chúng Niết-bàn.
- Khai diễn thiết lập Niết-bàn.
- Thị hiện hạnh Niết-bàn.
- Hỏi đáp nghĩa Niết-bàn.
- Chiết phục nhiếp thọ dụng Niết-bàn v.v...

2/ Chỉ chỗ vấn:

Đầu tiên từ “như thị” cho đến “máu chảy ướt đất” là triệu thỉnh, từ phẩm Thuần-đà đến phẩm Đại Chúng Vấn là thiết lập; từ phẩm Hiện Bệnh đến phẩm Đức Vương là hạnh; toàn phẩm Sư tử là nói nghĩa; từ phẩm Ca-diếp đến hết kinh là dụng.

3/ Giải thích tên gọi:

Đạo chẳng thể một mình vận hành phải có đủ thời, xứ và bạn. Nay thời Niết-bàn đã đến nên ở miệng phát ra ánh sáng, tùy loại phát ra âm thanh làm tỉnh ngộ, giúp tất cả đều cảm được mà nhóm họp đến rừng Câu-thi-na này. Do duyên dẫn đến gọi là Triệu, mời gọi đến là Thỉnh. Đại chúng thì có Quyền và Thật, Quyền thì triệu, Thật thì thỉnh, năm mươi hai chúng ở mười phương đều nhóm họp đến là vì việc hiển phát Đại Bát-Niết-bàn. Cho nên gọi là triệu thỉnh chúng Niết-bàn.

Từ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, Đức Phật đã nhóm họp tạng đại Niết-bàn khó được này, vốn không có gì bí mật sển tiếc, nhưng do người không thể lãnh thọ hết, cho nên đầu tiên bôi thuốc độc, sau đó tẩy rửa; trước thì đồng, sau thì khác, mà đợi tìm thời cơ. Như do Thuần-đà hiến cúng mà thiết lập sắc, lực thường; nhân Tỳ-kheo thỉnh trụ mà bài bác hư dối nói chân thật, hết lòng khuyến hỏi, Ca-diếp lãnh thọ chỉ thú, tùy câu hỏi mà thí cho, khiến tất cả không còn ngăn trệ, vì mưa pháp tràn đầy khắp thành Câu-thi này, nên gọi là khai giảng thiết lập Niết-bàn.

Nhưng tạng Bí mật sâu lắng, nếu chẳng thực hành thì chẳng thể đến, nên Đức Phật dùng phương tiện khéo léo thị hiện giúp chúng sinh tu tập, trước đạt được ba đức bí tạng, cho nên Đức Thế Tôn nằm nghiêng hông bên phải im lặng không nói, không chỉ bày, thị hiện hạnh bệnh, đến khi ngài Ca-diếp thưa hỏi thì ngồi kiết già, nói ba chỉ cho một, Bồ-tát vâng thực hành năm hạnh, mười đức, cho nên gọi là thị hiện hạnh Niết-bàn.

Nhưng vì nghĩa Niết-bàn rộng lớn vô tận, muốn nêu lên một thì bao gồm nhiều, như nói mạn mà luận về biển. Cho nên liên tục sáu lần chỉ hỏi về Phật tánh, Đức Phật trả lời đầy đủ từng vấn đề một, nhưng thể của Phật tánh chẳng phải thiện, chẳng phải ác, thiện ác đều dụng, cùng khắp không bến bờ. Vả lại, dùng rộng lớn bao gồm sơ lược, dùng sơ lược để thâm gồm rộng lớn. Nếu dùng thiện thì La-vân được nhiếp thọ, dùng ác thì Thiện Tịnh bị thâm phục. Hai người đã như thế thì những người khác đều có thể y theo đó mà biết. Vả lại, thể chẳng phải tà chánh mà tà chánh song dụng, như dùng chánh thì đầu tiên nhiếp thọ năm anh em Trần như, dùng tà thì cuối cùng thâm phục tà đồ và mười ngoại đạo. Đầu tiên và cuối cùng đã như thế thì khoảng giữa cũng như thế, nên gọi là dụng Niết-bàn.

4/ Sinh khởi:

Do có chúng nên mới có thí pháp, do thí nên lập ra hạnh, do hạnh mà thấy nghĩa, chứng nghĩa thì có dụng, cũng có thể nói dụng do nghĩa, nghĩa do hạnh, hạnh do thí, thí do có chúng nhóm họp, nghịch thuận làm nguyên do cho nhau, nên thành ra thứ lớp. Chẳng có bắt đầu mà bắt đầu, nên có triệu thỉnh, chẳng chung cuộc mà chung cuộc, nên có đại dụng. Ác hết thì tà tiêu, thiện dứt thì chánh cũng bật. Việc chiết phục, nhiếp thọ đã xong thì rốt ráo vắng lặng, nhập vào Niết-bàn.

5/ Chung riêng:

Đầu tiên, khoảng giữa và sau cùng, tất cả đều vì đối với chúng mà giảng nói, nếu không có chúng thì chỉ là nói suông mà không có ai lãnh thọ, nên nói chung là tất cả chúng, còn nói riêng là các chúng nhóm họp đầu tiên, nên gọi là triệu thỉnh. Nói chung thì một lời một việc đều thí cho tất cả chúng sinh, nói riêng là đối với người thưa hỏi, do người cầu mà ban cho, câu văn đã nhiều thì sự việc ấy cũng rõ, nên gọi là giảng nói thí Niết-bàn. Nói chung thì việc dạy dỗ chúng sinh đều có khuôn phép đều gọi chung là hạnh, nhưng nói riêng là năm hạnh mười đức; văn rõ thì việc hiển, nên gọi là hạnh Niết-bàn.

Kinh này trước sau đều nói về Phật tánh, Phật tánh là chung thì không nơi nào chẳng luận, còn riêng thì một phen hỏi đáp chỉ nói về Phật tánh, văn nhiều thì sự hiển, nên gọi là nghĩa Niết-bàn.

Nói chung thì cả một bộ đều dẫn dắt, làm lợi ích chúng sinh, như cỏ thuốc trên mặt đất này dùng chung cho tất cả chúng sinh, pháp ta cũng như thế, nên gọi là Chung. Nếu nói riêng thì chỉ gồm thâm tà ác, văn nhiều thì ý hiển, nên nói riêng về Dụng.

6/ Dẫn chứng:

Đầu tiên là dẫn nhiều văn, kế đó là dẫn một nơi. Dẫn nhiều văn: Như phát ra âm thanh, phát ra ánh sáng thông cáo cùng khắp, khiến mọi người mau đến chỗ ở của Phật, vì câu hỏi cuối cùng, há chẳng phải là triệu đến ư? Phẩm Sư Tử Hống ghi: “Phát ra tiếng rống sư tử, triệu thỉnh các Đại Bồ-tát trong mười phương đến rừng Sa-la.”

Phẩm Thuần-đà ghi: “Nay ta ban cho người thường mệnh, sắc, lực.” Phẩm Đức Vương ghi: “Nay ông muốn đến tận biển Đại Niết-bàn, gặp ta có nhiều năng lực ban cho tuệ thí.” Phẩm Thánh Hạnh ghi: “Bồ-tát đối với Đại Niết-bàn, phải chuyên tâm tu tập năm hạnh.” Lại ghi: “Tu Đại Niết-bàn được mười công đức.” Trong phẩm Sư Tử Hống thì dùng sáu câu hỏi về Phật tánh như: “Vì sao gọi là Phật tánh?” Như Lai trả lời đầy đủ, Phật tánh là nghĩa của Đại Niết-bàn. Phẩm Ca-diếp ghi: “Tâm từ đi khắp thế gian, thế gian chẳng ngoài thiện ác, tà chánh.” Chuyển mười tiên ngoại đạo, nhiếp một kẻ ác, tức là dụng Niết-bàn.

Dẫn văn một nơi, phẩm Sư Tử Hống ghi: “Phật tánh cũng gọi là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, cũng gọi là Tam-muội Sư tử hống, cũng gọi là Phật tánh”, nhưng Phật tánh chẳng phải một, vì sao lại nói có năm? Vì dùng năm tên gọi, khiến cho hiểu chẳng phải năm. Chúng được triệu thỉnh đều là đồng hạnh tri thức của Như Lai. Nếu từ gốc đức thì đều trụ nơi Lăng-nghiêm, nếu từ thị hiện thì đó là năm mươi hai chúng, cho nên dùng tên gọi Thủ-lăng-nghiêm để chứng minh cho chúng được triệu thỉnh. Nay nói thêm rằng năm mươi hai chúng tức là gồm ba chúng như Tỳ-kheo v.v... một chúng Bồ-tát là một, từ hai hàng hà sa đến ngàn ức hàng hà sa, Tăng số chúng có hai mươi một, chúng đồng số có tám, vô số chúng là một, chúng trung gian có bốn: Chư thiên sáu tầng trời cõi Dục, Phạm thiên, Tu-la, Trời Ma, trời Đại tự tại, Tứ phương có bốn; hợp chung có năm mươi hai. Đức Vô Thượng Điều Ngự dùng Nhất thiết chủng trí, chiếu soi cùng khắp các cơ và lý không mảy may khác nhau, khai mở chân thường, hiển bày thật tánh, khai mở Giác tạng để ban phát cho chúng hội đương thời. Nếu từ trí Phật thì gọi là Bát-nhã, nếu từ việc lập giác thì gọi là Niết-bàn thí, Nên biết tên gọi Bát-nhã vì sao dùng để chứng minh cho Niết-bàn thí? Đó gọi là năm mươi một hạnh chân chánh nhu hòa chất trực, chẳng thể nghiêng động, mà có khả năng đập nát phiền não kết hoặc; nếu từ việc tu tập thì gọi là Hạnh, nếu từ thí dụ thì dụ như Kim cương, nên biết Tam-muội Kim cương có thể dùng để chứng minh cho hạnh Niết-bàn. Nghĩa tức là chỉ thú của danh, cho nên ẩn dưới danh từ Niết-bàn đã có chỉ thú của Phật tánh, Phật tánh là nghĩa Niết-bàn. Nghĩa này tự tại, quyết định, không

sợ sệt. Nếu từ chủ thể thí dụ thì dụ như sư tử hống, nếu từ đối tượng để thí dụ tức là nghĩa Phật tánh. Nên biết tên gọi Sư tử hống có thể chứng minh cho nghĩa Niết-bàn. Thể Dụng tức là nhau thì trong tất cả pháp đều có tánh an lạc đều là Phật tánh; Tức thể mà Dụng thì năng du hóa thể gian, nhiếp ác nhiếp tà đều trở về chân thiện. Nên biết tên gọi Phật tánh có thể chứng minh cho dụng của Niết-bàn.

Nay đã y theo kinh chia chương, văn nghĩa có nơi y cứ, chứ chẳng phải phân biệt suông.

7/ Nêu giải thích khác:

Lương Vũ Đế lập Trung tiền, Trung hậu là y cứ theo thời gian để chia văn kinh. Nếu thế theo sáng sớm và buổi chiều thì có thể được, còn hoàng hôn và nửa đêm thì lại xếp vào văn nào. Kinh Cư Sĩ Thỉnh Tăng ghi: “Nói pháp này trải qua một vòng, đó là Trung tiền, Trung hậu của năm nào?” Nay tùy theo pháp mà chia chương thì chẳng có lỗi này.

Khai Thiện lập hai phần là Tựa và Chánh. Tựa là triệu thỉnh, Chánh là bốn chương. Quang Trạch có cả phần Lưu thông, nhưng ít chia chương. Linh Vị lập hai phần là: Về hỏi có duyên khởi, về đáp có dư thế, vậy chỗ nào cũng đều có hỏi đáp, vậy chỗ nào cũng có dư thế. Như Hà Tây dùng hai quyển đầu làm môn Hữu duyên dẫn dắt xưa nay, thì được thật mà mất quyền, còn ở đây lập ra môn Triệu thỉnh là bao gồm quyền thật. Lấy quyển thứ ba đến phẩm Đại Chúng Vấn làm môn Rộng lược, đó là chỉ y cứ theo văn từ nhiều ít, ở đây lập môn Khai diễn Niết-bàn thí thì gồm cả lược và rộng, dùng năm hạnh làm môn Niết-bàn hạnh, mười công đức làm môn Công đức Bồ-tát, hạnh và công đức đều ở trong nhân, nên ở đây hợp thành chương hạnh thì văn không dài dòng. Từ phẩm Sư Tử đến hết kinh lấy làm môn Phật tánh Trung đạo chẳng thể nghĩ bàn, thế thì lẫn lộn khó hiểu, nay chia ra nghĩa và dụng thì dễ hiểu văn ý hơn.

Các sư Địa Luận lấy quyển thứ nhất làm phần Thần thông phản thị, thì được quyền mà mất thật, ở đây lập triệu thỉnh thì không bị ng-hiêng lệch; kia lấy quyển thứ hai làm phần Chứng tánh phá nghi dứt chấp, từ quyển thứ ba Đến phẩm Đại Chúng Vấn là phần Chánh pháp thật nghĩa, ở đây lập chương Niết-bàn thí là gồm đủ hai phần trên. Kia lấy năm hạnh mười công đức làm phần Phương tiện tu thành, lấy phẩm Sư Tử Hống làm phần Bất phóng dật chứng nhập; nhưng phần tu thành ở trước đã là chứng nhập, chứng lại nhập chứng, chẳng phải là phiền phức trùng lặp sao? Ở đây hợp thành chương Nghĩa. Kia lấy phẩm Ca-diếp làm phần Từ bi trụ trì, phẩm Kiều-trần-như làm phần Hiện tượng; ở đây

lấy các việc dứt ác hướng thiện, hiển tà về chánh, hợp thành chương Dụng. Như Hưng Hoàng thì đầu tiên trích dẫn môn Kim tích hữu duyên là dùng ý của ngài Pháp Lăng; thứ hai là môn Phá nghi trừ chấp là dùng ý của các sư Địa Luận, thứ ba là Lược quảng môn, thứ tứ là môn Hạnh, thứ năm là môn Vị, môn thứ sáu là môn Hành Trung đạo đều dùng ý của Pháp Lăng; môn Phương tiện dụng, môn Tà chánh không hai thì có khai hợp, khác với thuyết của Hà Tây, nhưng danh nghĩa chẳng khác.

Giải thích riêng:

Chương Triệu Thỉnh là do các nhà chú giải kinh lập ra, xưa gọi là Tựa chung, Tựa riêng. Vì ba đời đều nói đồng nhau nên gọi là Tựa chung, vì căn cơ chủng loại của giáo môn khác nhau, nên gọi là Tựa riêng. Vả lại, đối với các giáo Đại, Tiểu, Biệt, Viên mà Đức Phật đã nói ra trong một đời giáo hóa đều có đặt “Như thị”, nên gọi là Chung, nhân duyên của mỗi kinh đều khác nhau, nên gọi là Riêng. Lại các kinh, đầu tiên đều có hai chữ “Như thị”, tức đồng là từ ngữ “khuyến tin”. Trong phần Tựa chung có năm hoặc sáu việc, tùy theo chủ và xứ chia hay hợp: Như thị là lý được truyền; tôi nghe là người truyền; một thời là năng truyền và sở truyền, là thời hợp cơ hợp lý; Phật là chủ được tôn thờ; Trụ là nơi được nghe; chúng tức là bạn trực tiếp thọ nhận, tất cả xoay vần chứng minh khuyến tin lẫn nhau, chẳng phải luống dối, muốn cho mai sau thuận theo mà chẳng nghi ngờ.

Hơn nữa, các kinh Đại Tiểu thừa, đầu kinh đều có lời khuyên tin, tin Đại thừa, tin Tiểu thừa, thì Đại Tiểu khác nhau. Nếu chẳng khác thì không có Tiểu, Đại, Biệt, Viên khác nhau. Nếu có khác nhau thì làm sao phân biệt được? Nay lược giải thích, nếu nói năng truyền và sở truyền tương tựa nhau là Như, năng truyền và sở truyền chẳng trái là Thị, thì đó là tin theo ý của Tam Tạng giáo, nếu nói giải hợp với chân là Như, thân tàn trí diệt là Thị, thì đó là tin theo ý của Thông giáo. Nếu nói xứng cơ là Như, sự nghịch lý thuận là Thị, thì đó là tin theo ý của Biệt giáo; nếu nói cõi ma tức cõi Phật là Như, một sắc một hương đều Trung đạo là Thị, thì đây là Tin theo ý của Viên giáo. Như thị đã thế thì tôi nghe v.v... là so sánh cũng rất dễ hiểu. Cho nên ngài Long Thọ nói nếu tin thì nói việc ấy như thị, nếu chẳng tin thì nói việc ấy chẳng như thị.

Ba nghĩa tin đầu là tin của Phương tiện quyền như thị, một tín sau là tín của Viên dung nhất thật như thị. Tựa chung riêng này các Sư đều sử dụng, thế gian thường được nghe, chẳng cần phải nói nhiều, đã giải thích đầy đủ trong Pháp Hoa Sớ. Ở đây chỉ y cứ theo một nghĩa giáo, vì các nghĩa kia đều y cứ vào đó.

Nay nói năm câu của Tựa chung, cũng có thể nói là Tựa đối với năm chương. Trong đó, “Như thị” là tựa thỉnh, “tôi nghe” là tựa thí, “một thời” là tựa hạnh, “trụ xứ” là tựa nghĩa, “cùng nghe” là tựa dụng. Như thị là tựa Niết-bàn chúng, chẳng khác là Như, không trái là Thị, nếu chẳng được Như thị hoặc khác thì nhất định là khác, trái thì nhất định là trái. Người đạt được ý này, biết khác chẳng phải khác, trái chẳng phải trái. Đầu tiên từ loài trùng kiến trở lên đều là khác loài khác hình, quả báo rồi rắm, cho đến chư Thiên, Phạm thế, lọng báu che khắp tam thiên lớn nhỏ, tinh thô khuynh đoạt lẫn nhau, nếu dùng mắt trâu dê mà nhìn thì đều thấy trái nhau, đâu được “như thị” ư? Người đạt được Như thị biết Pháp thân Đại sĩ, trong Thủ-lăng-nghiêm, thị hiện các thân hình, biết khác chẳng phải khác, vì thế gọi là Như, biết trái chẳng phải trái nên nói là Thị, nên biết “Như thị” là tựa triệu thỉnh chúng.

“Tôi nghe” là tựa thí Niết-bàn: Ta xưa chẳng nghe mà nay lại được nghe, thấy tám học lương thực ban phát khắp cả đại chúng, nghe về quả báo của hai thời bố thí bình đẳng không khác nhau, chữ mới, bốn đức Niết-bàn, Phật tánh bí mật. Tất cả các pháp vị chưa được nghe thì được nghe, cho nên biết “tôi nghe” là tựa Niết-bàn thí.

“Một thời” là tựa hạnh Niết-bàn: Hạnh “một thời” chẳng phải hạnh có thứ lớp, chứng “một thời” chẳng phải là chứng có trước sau. Văn kinh ghi: “Lại có một hạnh là hạnh Như Lai, chẳng phải là hạnh thứ đệ”, trong một niệm đều đầy đủ, hiện thân trong năm đường, cùng lúc chứng đắc, nên biết “một thời” là tựa hạnh Niết-bàn.

“Chỗ ở” (trụ xứ) là tựa nghĩa Niết-bàn: Xứ là nơi thân trở về nghỉ ngơi, nói lên Phật tánh là chỗ rốt ráo của tông, xua tà dẫn ác hướng về Câu-thi-la, chẳng khô chẳng tươi mà ở khoảng giữa vắng lặng, tự tha đến chỗ cùng tột thì đều dứt bật. Cho nên biết “nơi chốn” là tựa nghĩa Niết-bàn.

“Cùng nghe” là tựa dụng Niết-bàn: Các thần núi, rừng, sông, biển; các loại bò dê, sâu bọ, rắn rết đều là chúng cùng nghe; tức cùng dạy dỗ ba người con, cùng làm ba thứ ruộng, thiện ác đều gồm thâu, tà chánh đều hóa độ, cho nên biết chúng “cùng nghe” là tựa dụng Niết-bàn.

Đã phối hợp riêng năm tựa và năm chương, bây giờ lại nói một tựa có tựa của năm chương. Nói về chúng thì chẳng ngoài tám Phật, tám Phật và Phật hiện tại chẳng khác là Như, chẳng trái với Phật là Thị, hai thời thí không khác nhau nên gọi là Như, đồng vào bí mật nên gọi là Thị; là hạnh của Như Lai nên gọi là Như, một hạnh gồm thâu tất cả hạnh nên gọi là Thị; cùng một Phật tánh là Như, nghĩa và thể chẳng hai là Thị.

Tà ác chẳng hai là Như, không lỗi là Thị. Cho nên biết Như thị là tựa chung cho cả năm chương. Tôi nghe cũng như thế, xưa nghe bốn chúng chẳng phải là tám Phật, nay nghe tám Phật tức bốn chúng, xưa con nghe nói trước sau có hơn kém, năm quả đổi dời, nay con nghe được hai thời bố thí bình đẳng không khác nhau đều là Thường, Lạc. Xưa được nghe sông suối quanh co, chẳng chảy thẳng ra biển, nay được nghe sông Câu-da-ni (sông Kim sa) như sợi dây thẳng tắp đổ ra biển, xưa nghe nói mắt thịt còn chẳng thấy không, huống chi thấy tánh, nay nghe nói người tu học Đại thừa tuy có mắt thịt mà gọi là mắt Phật, mắt Phật thấy tánh rõ ràng thấu suốt. Xưa nghe thiện ác như sông Vị trong, như sông Kinh đục, tà chánh khác đường, nay nghe nói cá ĐỂ-nhĩ và thần rùa đều cùng ở dưới nước. Đó là “tôi nghe” là tựa chung của năm chương.

“Một thời”, tức “một thời” phát ra ánh sáng, phát ra âm thanh triệu thỉnh, “một thời” nhóm họp đến rừng Ta-la, “một thời” hiển tạng bí mật của Như Lai, “một thời” nghe thí Niết-bàn thường, “một thời” nghe cung kính vâng làm, “một thời” an trụ trong tạng bí mật, nhập vào nghĩa Niết-bàn, “một thời” đã nghe hai chữ Thường Trụ, khai phát cha mẹ thân thích bảy đời và các chúng sinh oán thân, thiện ác. Cho nên “một thời” là tựa chung của cả năm chương.

“Nơi chốn”, phát ra ánh sáng và phát ra âm thanh đồng triệu thỉnh đến chỗ Phật, Đức Phật dùng nơi chốn của Phật để ban phát cho chúng hội đương thời; từ nơi chốn của Phật mà khởi hạnh Niết-bàn, thấy nơi chốn của Phật chính là thấy nghĩa, vì nơi chốn của Phật dẫn dắt kẻ tà ác, cho nên “nơi chốn” là tựa chung của năm chương.

Đồng thấy nghe âm thanh và ánh sáng thường trụ, là Như, chứ chẳng nghe các phương tiện khác, cho nên đồng nghe sự hỏi đáp cuối cùng; về thường mệnh, sắc, lực, an ổn, vô ngại biện; cùng nghe hạnh trực nhập như sông Câu-da, cùng nghe nghĩa bí tạng như biển Tây, “cùng nghe” tà ác có dụng của Phật tánh. Vì thế chúng cùng nghe là tựa chung của năm chương.

Năm tựa, mỗi tựa đối với ba điểm thì “Như thị” là tựa chung của ba điểm, chẳng dọc chẳng ngang, chẳng chung chẳng riêng, nên gọi là Như thị; “Tôi nghe” là tựa Bát-nhã; “Một thời” là tựa Giải thoát; “Nơi chốn” là tựa pháp thân; Cùng nghe là tựa ba điểm chẳng lường đối. Năm tựa là tựa của bốn đức, trong đó “Như thị” là tựa chung của bốn đức, “tôi nghe” là tựa Lạc, “một thời” là tựa Tịnh, “nơi chốn” là tựa Thường, “cùng nghe” là tựa Ngã, dùng năm tựa để nêu lên nghĩa chính của tựa kinh. Tất cả đều y cứ vào đây, chẳng cần phải nói nhiều, các

nghĩa khác tự suy nghĩ cũng dễ hiểu.

Ngã văn (Tôi nghe): Có ba loại “Tôi nghe”: Tôi tôi tôi, không tôi không tôi tôi, chẳng phải tôi chẳng phải không có tôi; nghe nghe nghe, chẳng nghe chẳng nghe nghe, chẳng nghe chẳng phải chẳng nghe (Ngã ngã ngã, vô ngã vô ngã ngã, phi ngã phi vô ngã, văn văn văn, bất văn bất văn văn, bất văn phi bất văn), là nghĩa phương tiện đã được nghe từ xưa, còn viên nói về “Tôi nghe” là chẳng phải tôi chẳng phải không tôi, chẳng nghe, chẳng phải chẳng nghe, là ý chánh của kinh này.

Nhất thời (một thời): Cho một (nhất) là số, là nghĩa của thế gian, Không là một là nghĩa của Nhị thừa, chân tục hợp thành một là nghĩa của Bồ-tát; một tức tất cả, tất cả tức một, chẳng phải một chẳng phải tất cả mà một và tất cả chính là ý “một thời” của kinh này.

“Phật” gồm có ba thân bốn nghĩa, nghĩa sau cùng là ý kinh này, y cứ theo trước cũng có thể biết.

“Trụ xứ” (Nơi chốn): Âm Phạm gọi đủ là Câu-thi-na-kiệt, Hán không dịch, hoặc dịch là Giác thành, vì có ba góc. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Phía Nam Giác thành,” tức là chỉ cho thành này, hoặc gọi là thành Thoa thảo hay thành Mao, vì ngôi thành này lợp bằng tranh nên gọi như thế. Hoặc gọi là thành Tiên nhân, vì khi xưa có một vị tiên Trường Thọ ở đây, vì tôn kính vị tiên này nên dùng tên tiên đặt tên trụ xứ, cũng đặt tên cho một nước, nên gọi là nước Câu-thi.

Lực sĩ sinh địa, tức là hàng lực sĩ trong nhân gian có sức mạnh địch lại muôn người, nhóm họp khoảng ba mươi vạn người cùng sống tại một nơi, không lập ra vua quan, mà cùng nhau tự sống theo luật pháp, cũng không bao giờ có bạo loạn, tức là kẻ sĩ, nên gọi là sinh địa.

“A-di-la-bạt-đề” tức là sông Kim sa, rộng hai mươi trượng, nằm ở phía Nam của thành này, hoặc có nơi cho là rộng bốn mươi trượng.

“Ta-la song thọ”, Hán dịch Ta-la là kiên cố, mỗi phía hai cây, bốn phía tám cây, đều cao năm trượng, bốn cây khô, bốn cây xanh tốt; phía dưới thì rễ liền nhau, phía trên thì cành lá hợp nhau, hợp nhau tựa như liền nhau, khô tươi tựa như giao nhau; cành lá sum suê, hoa lớn như bánh xe, quả lớn như chiếc bình, ngọt như mật, có đủ sắc, hương, vị; nhân đó lấy tên tám cây này đặt tên cho rừng là rừng Kiên Cố.

Chỉ một ngôi thành này mà thấy khác nhau, nếu thấy đất đá thì đó là trụ xứ của người, thuộc về nghĩa thế gian, nếu thấy vô thường, khổ, không, hưng phế, thì đó là nghĩa trụ xứ của Nhị thừa; nếu thấy là nơi phát tâm Bồ-đề, là nơi gặp Phật ở quá khứ, là nơi nguyện, nơi tu thiền định, v.v... thì đó là trụ xứ của Bồ-tát; nếu thấy bốn đức tròn đầy, rất

ráo đầy đủ, từ bi xót thương thì chỉ cho người, Mao thành biểu thị cho Thường, lực sĩ biểu thị cho Ngã, sông Kim sa biểu thị cho Tịnh, giữa hai cây Sa-la biểu thị cho Lạc. Lại mỗi việc đều biểu thị cho bốn đức như ngôi thành chẳng hư hoại biểu thị cho Thường, dôi dào biểu thị cho Lạc, ngăn địch biểu thị cho Ngã, không có các nạn biểu thị cho Tịnh; lực sĩ không có thân biểu thị cho Thường, tâm an biểu thị cho Lạc, mạnh khỏe biểu thị cho Ngã; dung mạo vui hòa biểu thị cho Tịnh. Sông thường chảy biểu thị cho Thường, cát vàng biểu thị cho Tịnh, trong mát biểu thị cho Lạc, phước lành biểu thị cho Ngã: Cây Ta-la như văn sau ghi: “Hai cây phía Đông biểu thị cho Thường, hai cây phía Nam biểu thị cho Lạc, hai cây phía Tây biểu thị cho Ngã, hai cây phía Bắc biểu thị cho Tịnh”. Lại hai cây tươi tốt biểu thị cho Thường, bóng mát biểu thị cho Ngã, hoa biểu thị cho Tịnh, quả biểu thị cho Lạc. Nếu biết được bốn đức chung riêng này thì đó là trụ xứ của chư Phật.

Nếu cho rằng chúng cùng nghe là người sinh tử, thì đó là chỗ thấy của phàm phu, thấy là bậc Thánh thì đó là chỗ thấy của Nhị thừa, thấy là Bồ-tát Sơ địa trở lên thì đó là chỗ thấy của Bồ-tát, thấy là tám Phật trong chín Phật thì đó là chỗ thấy của chư Phật. Nếu đạt được ý này, thì các câu sau hãy y cứ theo đây mà giải thích.

Về chúng cùng nghe được chia thành hai: Chúng nhóm họp và chúng oai nghi.

1/ Chúng nhóm họp:

Nay luận thêm rằng:- Nếu y cứ theo một nhà thì phải lấy năm mươi hai chúng làm chúng cùng nghe. Cho nên cùng nghe bao gồm năm mươi hai. Nay nêu Tỳ-kheo đầu tiên nên nói là cùng nghe. Cùng nghe có năm là dữ, thán, loại, chúng và số. Nay văn ít các nghĩa hợp nhau mà có. Nói dữ tức là cùng. Thích Luận dùng bảy điều nhất để giải thích “cùng” là nhất xứ, nhất thời, nhất giới, nhất tâm, nhất kiến, nhất đạo và nhất giải thoát. Các Tỳ-kheo có chung bảy điểm này với Phật, cho nên nói “đồng với Phật”. Nếu theo ý của Tam Tạng giáo thì Phật với thân tượng sáu cùng với các Tỳ-kheo trụ tại xứ Câu-thi, vào thời Niết-bàn, đồng một giới luật nghi, đồng một tâm thiền định, đồng cái thấy vô lậu, đồng một đạo Niết-bàn, đồng là Giải thoát hữu dư. Cả bảy thứ đều đồng với Phật, cho nên nói là cùng. Nếu theo nghĩa của Thông giáo thì có năm đồng và hai biệt. Vì sao? Vì trí tuệ thể hội các pháp, ngay nơi sắc thấy không chẳng phải sắc diệt rồi mới không, cái thấy này chẳng đồng với đạo Ma-ha-diễn, chẳng đồng với Tam Tạng giáo, vì đạo chẳng đồng, nên biết đó là hai khác. Nếu theo nghĩa của Biệt giáo, thì Đức

Phật với thân đặc thù tôn kính đối với hai điểm như thời, xứ v.v..., thì hai hạng Tỳ-kheo trước chẳng thể thấy, như đốt đuốc cho người mù, đâu có ích lợi gì, vì họ mất mù. Đối với giới, tâm, kiến, đạo, giải thoát thì hai hạng Tỳ-kheo trước chẳng thể nghe, như tấu nhạc cho người điếc, đâu có ích gì, vì tai họ điếc. Đức Phật này chẳng chung với hai hạng Tỳ-kheo ở trước; Tỳ-kheo trong đây còn chẳng cùng chung với hai Đức Phật trước huống chi là hai Tỳ-kheo kia. Nếu theo nghĩa của Viên giáo thì bảy điều Nhất của Phật đều là cảnh giới Phật, chỉ đồng với Bồ-tát Viên giáo trụ trong Thủ-lăng-nghiêm, thị hiện tướng Tỳ-kheo, đã chẳng chung với ba Phật trước, huống chi là đồng với ba hạng Tỳ-kheo kia.

Nay nói “chung” tức đều là đại quyền và khai hiển đã xong. Đại tức là lời khen đức. Thích Luận ghi: “Ma-ha, Hán dịch là Đại, đa, thắng”. Vì được Thiên vương và các bậc Đại nhân cung kính nên nói là Đại, lâu thông bốn Phệ-đà và Tam Tạng nên nói là Đa, vượt hơn chín mươi lăm loại ngoại đạo nên gọi là Thắng, đây là giải thích theo Tam Tạng giáo. Được bậc Hiền thánh kính ngưỡng nên gọi là Đại, thông đạt các pháp môn Tích và Thể nên gọi là Đa, vượt hơn hai loại giải thoát tâm và tuệ nên gọi là Thắng, đây là giải thích theo Thông giáo. Được bậc Hữu học và Vô học cung kính nên nói là Đại, thông đạt các pháp môn Đại Tiểu nên nói là Đa, vượt hơn Thanh văn, Bích-chi-Phật nên gọi là Thắng, đây là giải thích theo Biệt giáo. Được hàng Thất phương tiện cung kính, nên nói là Đại, thông đạt các pháp môn Quyền, Thật nên gọi là Đa, là bậc Thượng thủ trong chúng Tất định nên gọi là Thắng, đây là giải thích theo Viên giáo. Đại quyền và khai hiển như trước đã nói.

Tỳ-kheo tức là khí loại, gồm có ba nghĩa nên gọi là Tỳ-kheo:

1) Khất sĩ: Tức chẳng thực hành ngưỡng khẩu thực, hạ khẩu thực, phương khẩu thực, duy khẩu thực, mà theo thứ lớp khát thực, thực hành thanh tịnh để nuôi mạng sống.

2) Pháp ác: tức thực hành bảy chi giới cấm và thiên định để khóa chặt tâm khởi vọng, làm cho lang sói vô thường sợ hãi, chế phục mọi phiền não.

3) Bố ma: Tức tu ba pháp này thì Thiên ma buồn khổ, lo lắng họ sẽ được ra khỏi cảnh ma, lại sợ độ người khác. Đó là nghĩa của Tam Tạng giáo.

Nếu thể đạt các pháp, chẳng thực hành ngưỡng, hạ, phương, duy khẩu thực để nuôi lớn tuệ mạng; đó là nghĩa Khất sĩ. Biết ác chẳng phải ác, cũng chẳng có người biết, đó là nghĩa Pháp ác; chẳng được làm cho sợ hãi, vui mừng, chẳng kính sợ vui mừng gọi là Bố ma. Đó là giải thích

nghĩa Tỳ-kheo theo Thông giáo.

Tu tập từ cạn đến sâu, theo thứ lớp trải qua ba Đế, cầu pháp hỷ Trung đạo gọi là Khất thực; theo thứ lớp phá năm trụ gọi là Phá ác; vì phiền não đã bố thì nghiệp bố, nghiệp đã bị bố thì ấm bố, ấm đã bị bố thì thiên ma bố, đó là nghĩa Bố ma. Đây là giải thích nghĩa Tỳ-kheo theo Biệt giáo.

Trong tất cả pháp đều có tánh an lạc, gọi là cháo sữa chân thật, dùng đó để nuôi lớn; là nghĩa khất thực trong tánh an lạc thuần là Phật pháp, không có ác để phá nên gọi là Phá ác; ma cũng Như, Phật cũng Như, gọi là Bố ma: Đó là giải thích nghĩa Tỳ-kheo theo Viên giáo.

Y cứ theo các kinh đều có chữ “Chúng”, bốn người trở lên sống hòa hợp gọi là Chúng. Thích Luận có nêu bốn hạng Tăng: Phá giới, Á dương, Hữu tu và Chân thật. Hai hạng sau hợp với Bách Nhất yết-ma, còn hai hạng trước thì chẳng thể chấp nhận. Noãn v.v... là Hữu tu, (có khổ thẹn) bốn quả là chân thật, đây là nghĩa Chúng của Tam Tạng giáo. Càn tuệ tánh địa là hữu tu, địa thứ tám trở lên là Chân thật, là nghĩa Chúng của Thông giáo. Ba mươi tâm là Hữu tu, mười địa là Chân thật, là nghĩa Chúng của Biệt giáo. Thập tín là Hữu tu, bốn mươi một địa là Chân thật, tức nghĩa Chúng của Viên giáo. Còn hai hạng Tỳ-kheo kia, các giáo đều nói về ác đồng nhau, không khác nên chẳng nói riêng. Hữu tu và chân thật lại có bốn nghĩa: Phát khởi, ảnh hưởng, đương cơ và kết duyên; hợp lại để làm rõ nên nói là Chúng.

Số tám mươi ức trăm ngàn, đó là chỉ số người, hoặc số nhân pháp không, hoặc số pháp môn, hoặc số thật tướng, v.v...

2/ Nói về trước sau vây quanh, tức oai nghi.

Hoặc dùng ba nghiệp cung kính phát động, hoặc dùng bốn môn nhập Không phát động, hoặc dùng bốn môn nhập giả phát động, hoặc dùng bốn môn nhập Trung đạo phát động.

Từ câu “ngày rằm tháng hai...” trở xuống là Tựa riêng thứ hai, tức là văn triệu thỉnh, có ba phần: Nói về năng triệu, sở triệu và kết triệu.

Năng triệu lại có ba ý: Dùng âm thanh triệu thỉnh, dùng ánh sáng triệu thỉnh và chấn động triệu thỉnh.

Trong phần âm thanh triệu thỉnh lại có sáu ý: Thời gian phát âm thanh biểu thị cho pháp; thời gian phát âm thanh ứng hợp với căn cơ; bản mặt của âm thanh; ngang dọc của âm thanh; âm thanh có cảm ứng; trong âm thanh có khen ngợi và thông cáo.

Từ câu “ngày rằm tháng hai v.v...” trở xuống là nói về thời gian phát ra âm thanh biểu thị cho pháp.

Tháng hai là khoảng thời gian giữa mùa xuân, biểu thị cho Trung đạo. Ngày rằm là thời gian mặt trăng tròn đầy, biểu thị cho Viên thường, cho nên lấy ngày trăng tròn tháng hai biểu thị cho pháp Trung đạo tròn sáng.

Từ câu “sắp Niết-bàn v.v...” trở xuống là nói về thời gian phát âm thanh xứng cơ.

Đạo cơ bấy giờ đã thuần thực, đúng thời chẳng sớm chẳng trễ, đến dự hội, cho nên văn kinh sau ghi: “Các vị Tiên ở Hương sơn, các lực sĩ ở Câu-thi, Thuần-đà, Tu-bạt, gốc lành đã thuần thực, nên tuyên bố Niết-bàn, khiến đều được vào tạng bí mật”. Kinh Pháp Hoa ghi: “Nếu có người đáng dùng diệt độ để độ thoát, thì thị hiện diệt độ để độ thoát cho họ”, chính là nghĩa này.

Từ câu “Đức Phật v.v...” trở xuống là nói về gốc ngọn của âm thanh.

Thần lực là gốc, âm thanh là ngọn, từ gốc (bản) phát khởi ra tích, khiến cho tất cả ngộ được chẳng gốc chẳng ngọn. Vả lại Không tuệ là gốc, Chủng trí là gốc, Thật tướng là gốc.

Từ câu “âm thanh ấy v.v...” trở xuống là nói về sự ngang dọc của âm thanh.

Vang khắp là lan theo chiều ngang, thấu đến Hữu đẳng là chiều dọc. Có người giải thích Hữu đẳng chỉ là cho trời Phạm thế, tức trời Ni-trá, không có sắc, không có thân, chẳng thể nghe âm thanh, nên chẳng phải Hữu đẳng. Có người lại dẫn kinh Nhân Vương rằng: “Năng lực của định Vô sắc có thể biến hóa ra mây hương hoa, v.v... để cúng dường Phật,” vì sao chẳng thể biến hóa thành thân, nghĩa này cũng chẳng thể vặn hỏi.

Nay lập ba phen ngang dọc: 1/ Ngang thì phủ cả sáu đường, dọc thì thấu ba cõi; 2/ Ngang thì trùm cả bốn loài sinh, dọc thì suốt cả Ba thừa; 3/ Ngang thì gồm cả mười cõi, dọc thì cho đến Đẳng giác. Vậy nên biết không chỉ trời Ni-trá là Hữu đẳng. Nếu lấy đẳng của ba cõi tức là cõi Phi Tưởng. Hơn nữa, đẳng của ba hữu tức Vô học, lại có một đẳng là Diệu giác. Hai đẳng được triệu, một đẳng được thỉnh. Ý này rất rộng, đâu thể dùng Phạm thế để so sánh.

Từ câu “tùy theo v.v...” trở xuống là nói về sự cảm ứng của âm thanh.

Tùy loại thì cảm chẳng phải một, bảo khắp thì ứng chẳng phải là hai. Vì dùng âm thanh chẳng hai mà ứng chỗ cảm chẳng phải một, thật là chẳng thể suy nghĩ, bàn luận.

Từ “ngày hôm nay v.v...” trở xuống là nói về khen ngợi và thông cáo trong âm thanh. Gồm có hai là khen ngợi và thông cáo. Khen ngợi khiến mọi người tôn kính, thông cáo làm cho mọi người buồn thương quyến luyến. Phần khen ngợi lại có hai ý: Khen ngợi hai đức và tổng kết hai đức.

Đầu tiên là khen ngợi nội đức, kế đến là khen ngợi ngoại đức. Sau đây là văn thứ nhất.

Nội đức vô lượng mà chỉ khen ngợi ba hiệu là vì muốn nói về ba việc:

1/ Khen ngợi Như Lai, tức thành tín chư Phật, khiến sinh tâm tôn trọng, kính mến, là bậc cha lành của thế gian.

2/ Ứng cúng là ruộng phước tối thượng, khiến sinh nghiệp lành, đứng đầu thế gian.

3/ Chánh biến tri, tức năng phá trừ nghi trệ, phát sinh trí hiểu biết, là thầy của thế gian. Cho nên văn kinh ở sau ghi: “Từ nay chúng ta không có người đứng đầu, không còn người thân thích, không còn nơi tôn kính”.

Nói về ngoại đức. Ngoại đức có vô lượng nhưng chỉ nêu bốn đẳng, là muốn nói bản phụ sư, quân; bản thời thế nguyện đều đủ bốn đẳng; ở đây sẽ lấy việc lợi ích cứu khổ ban vui làm chính yếu. Thương là đại Tử, xót là đại Bi, che chở là đại Hỷ, bình đẳng là đại Xả.

Tổng kết về khen ngợi.

Gồm hai ý: Đầu tiên nói làm nơi nương tựa là kết luận ba hiệu, kế là nói làm ngôi nhà cho thế gian là kết luận bốn đẳng.

Từ câu “Đấng Đại Giác v.v...” trở xuống là thông cáo.

Cáo tức là bảo, đầu tiên là bảo khiến dứt nghi, kế đến là bảo nên hỏi. Đấng Đại Giác Biến Tri năng đoạn nghi ở trước, bốn Đẳng từ bi, ắt cho phép hỏi sau, hỏi sau thì dạy dỗ giảng nói đạt được Niết-bàn thí, dứt nghi trừ nguy được chân, chữ Ý mới hiển bày. Dùng âm thanh báo khắp là tựa lập giáo, ý này đã rõ. Trước chỉ khen ngợi ba hiệu, nay chỉ bảo là Đại giác, Đại giác chính là Biến tri, tức nói thầy là chủ là cha, chẳng cần phải nói nhiều. Vả lại, Như Lai là hiệu đầu tiên, Đại giác là hiệu sau cùng, khen trước bảo sau, đáp đối nhau chỉ nêu một bên mà ý thì đủ khắp. Nếu y cứ theo trước mà phân biệt thì mỗi đoạn nói về bốn nghĩa đã đạt được, ý tự hiển bày, nên chẳng cần nói lại nữa.

Kế đến từ câu “lúc bấy giờ v.v...” là nói về dùng ánh sáng triệu thỉnh. Có bốn ý: Thời gian phát ra ánh sáng; nơi phát ra ánh sáng; ánh sáng chiếu soi và ánh sáng làm lợi ích. Sau đây là văn đầu tiên.

Sáng tối giao nhau là lúc bình minh, biểu thị cho trí sáng sinh ra, các hoặc tối tăm tiêu diệt, là năng lực của Niết-bàn. Vì duyên này thích hợp nên chọn lúc bình minh mà phát ánh sáng.

Kế đến là nơi phát ra ánh sáng.

Diện môn tức là miệng, miệng chẳng có sáu màu mà sáu màu ở miệng, đó là nói lên Phật tánh chẳng phải sáu pháp, chẳng là sáu pháp. Lại xanh, vàng, trắng, đỏ là màu sắc cố định, nói lên tùy tự ý; pha lê, mã não chẳng phải màu sắc cố định, tùy theo vật mà thay đổi, nói lên tùy tha ý. Vả lại, biển Đại Niết-bàn là nơi cư ngụ của các loài chúng sinh có thân lớn, như các loài rùa, cá, các loại châu báu; phát ra các thứ ánh sáng, chính là nói lên cho ý này. Hơn nữa vì cứu vớt sáu đường, thanh tịnh sáu căn, nên phát ra ánh sáng có sáu màu.

Từ “ánh sáng chiếu khắp v.v...” trở xuống là nói về chỗ chiếu soi.

Chiếu tam thiên Đại thiên cho đến mười phương là chiếu theo chiều ngang, nếu so sánh với âm thanh thì lẽ ra cũng phải có chiếu theo chiều dọc, nhưng chẳng chiếu là vì cao rộng đồng hiện.

Từ câu “trong đó v.v...” trở xuống là nói về lợi ích của ánh sáng. Có người ở đây cho là chúng mới đến; đã có từ “trong đó” thì đâu cần nói là mới. Lại nói ba nghiệp v.v... thì có thể biết. Nay văn này gồm có hai:

1/ Dứt trừ ba chướng: Chúng sinh nơi sáu đường là báo chướng, tội cấu là nghiệp chướng, phiền não chướng thì như trong văn.

2/ Từ câu “những chúng sinh này v.v...” trở xuống là nói về ba nghiệp quyến luyến sinh ra điều thiện, theo văn có thể dễ thấy. Chướng trừ thì thiện sinh, mau được thấy Phật. Chỉ nơi phần Tựa dùng ánh sáng triệu thỉnh, thì ý nghĩa hạnh Niết-bàn đã hiểu rõ.

Từ câu “bấy giờ mặt đất v.v...” trở xuống là nói về việc mặt đất rung chuyển triệu thỉnh.

Đất rung chuyển thì nước rung chuyển, đất nước nương nhau, nên đều rung chuyển, biểu thị cho vô minh và ái kiến nương nhau; có duyên si ái cho nên dùng đất rung chuyển để biểu thị. Lại nói chấn tức là khởi rung động mạnh thuộc về hình, chấn động từ tiếng rống để giật tỉnh là thuộc về âm thanh chấn động. Nói rộng ra thì có sáu loại, mười tám loại chấn động v.v... Nhưng âm thanh hay ánh sáng chấn động thì hoặc trước, hoặc sau, hoặc đồng thời, do cảm thấy khác nhau, đâu thể chấp nhất định được.

Từ câu “lúc ấy các chúng sinh v.v...” trở xuống là nói về người

được triệu thỉnh, theo văn gồm có hai, đầu tiên là nói chung về người được triệu thỉnh, tức chúng sinh lúc bấy giờ. Kế đến từ câu “bấy giờ có v.v...” trở xuống là nói riêng về người được triệu thỉnh, tức là tùy loại mà nêu riêng. Triệu thỉnh chung gồm có bốn: Nén đau khổ, khuyến thỉnh, giải thích sự khuyến thỉnh và giải thích về sự đau khổ. Sau đây là văn thứ nhất.

Nghe nói bậc Thầy giỏi, đáng cha lành nhập diệt, làm sao chẳng khổ được. Nhưng khổ thì chìm đắm trong biển sâu bi, không có lợi ích gì cho mình và người, nên nói phải nén bớt lại.

Thứ hai, từ câu “nên cùng v.v...” là khuyến thỉnh.

Nếu nén đau khổ mà yên trụ trong đó thì cũng vô ích, cần phải cầu xin, cho nên mới nói “nên đến trụ xứ của Phật”. Nói một kiếp hay chưa đến một kiếp, nếu xin một đại kiếp thì ngại gặp Phật sau, nên chỉ xin một Tiểu kiếp. Con người từ tuổi thọ tám mươi bốn ngàn tuổi, dần dần giảm xuống chỉ còn mười tuổi là một Tiểu kiếp.

3/ Từ câu “cùng chấp tay v.v...” trở xuống là văn giải thích vì sao khuyến thỉnh, có ba ý: Phát khởi; chánh giải thích; và kết luận.

Chấp tay chỉ là đầu mối phát khởi cầu xin sự xót thương. Kế là: Từ câu “lại nói lời rằng v.v...” trở xuống là giải thích ý khuyến thỉnh.

Phàm Như Lai tức là cõi trên Như mà đến thì thế gian sẽ có Phật, nếu Như Lai đi thì thế gian sẽ không có Phật, nên nói thế gian trống vắng, muốn cầu cha lành Như Lai. Phật là Bạc Ứng Cúng, nếu cúng dường Ngài thì được phước vô cùng, nếu không có Bạc Ứng Cúng thì nghiệp lành sẽ khô cạn, nên nói chúng sinh hết phước, muốn thỉnh cầu Bạc Ứng Cúng Chủ. Trí biến tri ngăn che điều ác, mở bày điều lành, nếu không có Biến tri, thì không có người dẫn dắt chỉ dạy, nên nói là pháp bất thiện thêm lớn, muốn thỉnh cầu Chánh Biến Tri Sư. Ý của việc thỉnh cầu như thế, nên liền đến chỗ Phật, chẳng nên chậm trễ.

Thứ ba, là kết luận việc cầu thỉnh, tức là “liền đến chỗ Phật”.

Thứ tư, từ câu “nói như thế v.v...” trở xuống là giải thích về khổ.

Tâm từ bi trùm khắp thế gian, gặp người khổ thì cứu giúp, gặp người nghèo thì ban vui. Nay đáng Từ Bi đã lìa bỏ thế gian, thì nghèo khổ trôi buộc. Hai lần nói “trống vắng” không ai cứu, không ai giúp, không còn ai để tôn thờ là giải thích về nỗi khổ không có chủ. Nói nghèo cùng cô độc, một mai xa lìa đáng Thế Tôn vô thượng, là giải thích nỗi khổ không có thân thích. Nói dẫn có điều nghi, sẽ biết hỏi ai? Là giải thích nỗi khổ không có thầy. Cứ như thế lần lượt giải thích thành nghĩa sâu khổ.

Kế đến từ câu “lúc bấy giờ, có vô lượng v.v...” trở xuống là nói về triệu thỉnh riêng. Theo văn có hai ý: Triệu thỉnh người ở cõi này; triệu thỉnh người ở cõi khác. Thỉnh người ở cõi này gồm ba ý: Triệu thỉnh chúng ở cõi Diêm-phù; triệu thỉnh chúng ở cõi trung gian; triệu thỉnh chúng ở cõi trên. Thỉnh chúng cõi Diêm-phù lại có ba là triệu thỉnh chúng Thanh văn, chúng Bồ-tát và các chúng khác. Thích luận nói Bồ-tát thực hành Trung đạo nên y cứ ở khoảng giữa của đầu và cuối, như Pháp Hoa Sớ có nói đầy đủ, có sự thì có biểu thị. Có người phân trước chia làm hai ý là tăng số liệt và giảm số liệt, ở ý thứ nhất lại chia làm hai chúng là đạo và tục. Ở đây thì y theo ý trước. Đầu tiên là chúng Thanh văn, lại có hai là tăng và ni. Tăng lại được chia làm hai là chúng ở bên Phật và chúng từ nơi khác đến.

Hỏi: Gần bên Phật đâu cần phải triệu thỉnh?

Đáp: Tuy chẳng triệu thỉnh đến, nhưng sợ sau hỏi, hơn nữa theo số nhiều, cho nên cũng nói là triệu thỉnh. Chúng gần Phật có ba ý: Sở triệu, phụng triệu và thuận triệu.

Đầu tiên là nói “bấy giờ, có vô lượng”, trên đã có số nhất định mà ở đây nói vô lượng là vì ở trên nêu lên các vị đứng đầu, còn ở đây là gọi chung quyến thuộc nên nói là vô lượng. Nói đại đệ tử tức như em như con, lấy kính nhường hai bên đều đầy đủ mà gọi một người. Nói Tôn giả tức những người tu phạm hạnh kính trọng lẫn nhau, gọi là Tôn giả. Như kinh A-hàm nói: “Các Tỳ-kheo từ nay gọi bậc lớn là Đại đức, người nhỏ là Trưởng lão, vì khen ngợi đức nghiệp nên tôn xưng là Trưởng lão”.

Ca-chiên-diên, Hán dịch là Phiến Thành. Bạc-câu-la dịch là Thiện Dung. Ưu-ba-nan-đà dịch là Đại Hỷ, hoặc là Trùng hỷ, ngài có thân tướng khôi ngô nên cha mẹ đặt tên là Đại Hỷ, nếu tại gia ngài sẽ làm Luân vương, rồi xả thân làm Ma vương, Đức Phật biết trước việc này, nên hiện mười tám thứ thần biến mà bảo rằng: “Ông nên xuất gia, sẽ được như thế”, cha mẹ ngài nghe được liền chứng được ba Minh, sáu Thông, nên đặt tên là Trùng Hỷ.

Kế là thấy ánh sáng Phật tức nói về phụng triệu.

Lẽ ra phải nói thấy ánh sáng và thấy mặt đất rung chuyển. Ở đây lược nêu một việc mà gồm cả hai điều.

Thứ ba, thân rung động là thuận triệu.

Ở trên nói thấy ánh sáng thì ba chướng tiêu trừ, phát sinh ba điều lành, nay lược bỏ không nêu ba chướng, chỉ nói các điều lành, như văn đã ghi.

Hỏi: Bạc-La-hán thì tâm buồn khổ đã dứt, vì sao lại đến như thế?

Đáp: Đó là tập khí còn sót lại, chẳng phải là chánh sử. Vả lại, làm phép tắc khiến chúng sinh kính mến. Lại hoặc riêng chưa dứt, chứ chẳng phải hoặc chung. Nói ưu bi tức là pháp giới Phật gồm thâu tất cả pháp, cho nên vẫn sau nói có lo lắng hay không có lo lắng cũng đều là cảnh giới Như Lai. Nếu y cứ theo bốn giáo để phân biệt thì chẳng cần nói nhiều.

Kế đến từ câu “lúc bấy giờ, có tám mươi trăm ngàn v.v...” là nói về việc triệu thỉnh chúng từ bên ngoài, có hai ý là sở triệu và phụng triệu. Sở triệu có bốn là số, loại, thân và kết. Thứ nhất là nói về số rất dễ hiểu.

Kế là nói Tỳ-kheo là nêu chủng loại, như trước đã giải thích.

Thứ ba, từ câu “đều là bậc A-la-hán v.v...” trở xuống là trước tán thán đức tự hành.

La-hán là giai vị Vô học, tâm được tự tại là bậc Câu Giải thoát, đây là khen ngợi đức bất sinh. Việc làm đã xong là khen ngợi trí Vô học và đức Ứng cúng. Liả bỏ phiền não, điều phục các căn, căn tức là giặc, kinh Di Giáo nói “năm căn này là giặc”; đây là khen ngợi đức giết giặc.

Kế đến, từ câu “như Đại long vương v.v...” trở xuống là khen ngợi đức hóa độ người.

Đã nói có oai đức lớn thì chẳng cần tự ra oai, biết là lợi ích chúng sinh, được người tôn kính. Voi là loài có sức mạnh nhất trên đất liền, dụ cho tuệ; rồng là loài có sức mạnh nhất ở dưới nước, dụ cho định. Hoặc chỉ nói voi là rồng voi, như voi báu Bà-la của trời Đế Thích, đi trong hư không, nháy mắt đã vượt qua muôn dặm, hóa thân có ba mươi hai cái ngà, mỗi ngà có bảy cái ao, mỗi ao có bảy hoa sen, mỗi hoa sen có bảy ngọc nữ, mỗi ngọc nữ đều tấu nhạc làm vui cõi trời Tam thập tam. Nếu lấy rồng voi, làm dụ thì chỉ thuận với đức hóa độ người. Chiên-đàn dụ cho giới làm lợi ích chúng sinh; sư tử dụ cho tuệ làm lợi ích chúng sinh. Dùng hai pháp này khéo léo thành tựu cho người, lại được các chúng thanh tịnh vây quanh.

Thứ tư, từ câu “vô lượng công đức như thế v.v...” trở xuống là kết luận.

Đã nói vô lượng, thì biết là kết luận hai đức tự tha. Nói đệ tử chân thật của Phật thì Tích là Phật tử Tiểu thừa chân thật, Bản là Phật tử Đại thừa chân thật. Dùng Phật tử Đại thừa chân thật để kết luận công đức tự tha.

Kế đến là nói về phụng triệu, gồm có ba là phát ra ánh sáng, phát

ra âm thanh và chấn động. Đầu tiên phát ra ánh sáng triệu thỉnh, có hai ý: từ câu “sáng sớm khi mặt trời vừa mọc v.v...” trở xuống là vây quanh triệu thỉnh.

Sáng sớm là mới sáng, đánh răng nói lên việc làm đầu tiên trong ngày, là nói lên việc phát động hiển bày thắng hạnh, đầu tiên thấy ánh sáng Phật; kế đến từ câu “đồng nói với nhau v.v...” trở xuống là thuận vây quanh triệu thỉnh.

So với trước cũng không có văn nói dứt ba chương chỉ có văn nói về ba nghiệp lành. Đồng nói với nhau là khẩu nghiệp lành, toàn thân nổi gai ốc là thân nghiệp lành, sinh đau khổ vô cùng là ý nghiệp lành. Ba-la-xa là tên một loại cây, lá màu xanh, hoa có ba màu, khi mặt trời chưa soi đến thì có màu đen, mặt trời chiếu đến thì hoa biến thành màu đỏ, các gân đỏ đều hiện; khi mặt trời lặn thì hoa biến thành màu vàng, nói lên việc chưa phụng triệu, tức nghiệp chẳng sinh như màu đen, đã phụng triệu đau buồn như màu đỏ, không có Phật như màu vàng.

Từ câu “muốn lợi ích v.v...” trở xuống là phân biệt ý thuận triệu thỉnh.

Lợi ích chúng sinh thì phân biệt chẳng phải hạnh tự lợi, thành tựu Đại thừa phân biệt chẳng phải Tiểu thừa, hạnh bậc nhất không phân biệt, chẳng phải cạn cợt. Đó mới hợp với văn nói về đệ tử chân thật của Phật.

Kế đến, từ câu “hiển phát Như Lai v.v...” trở xuống là phụng âm thanh triệu thỉnh.

Cũng có hai phần: Phát ra âm thanh lớn bảo khắp, nên hỏi lần cuối cùng. Nay vâng phụng lệnh triệu thỉnh này, để nói lên pháp giáo bí mật phương tiện của Như Lai, mở thường tông, hỏi về chỗ rốt ráo, khiến hưng khởi giáo sau cùng; từ câu “vì chẳng cắt đứt v.v...” trở xuống là nói về thuận âm thanh triệu thỉnh. Nếu thuận theo thanh giáo của Phật thì nói pháp chẳng dứt.

Thứ ba, từ câu “vì các chúng sinh v.v...” trở xuống, là nói về vâng theo địa động triệu thỉnh, cũng có hai ý: 1/ Núi biển rung chuyển là lật đổ tà kiến, thấy được Phật tánh. Nay vâng theo sự triệu thỉnh này. Kế đến vì nhân duyên điều phục, mau đến chỗ Phật trụ, tức là vâng theo sự chấn động triệu thỉnh. Triệu và được triệu cùng nhau lãnh ngộ. Đây chính là trí hay biết trí.

Thứ hai, nêu chúng ni. Có hai ý: Là nêu chúng và phát tích. Nêu chúng lại có hai là sở phụng và sở triệu. Sở triệu có bốn là danh, số, vị, thán.

Trong phần nêu lên thì nêu ba vị Thượng thủ. Câu-đà-la chưa thấy lịch. Ni, di, nữ, là từ gọi chung người nữ ở hai phương. Nếu nói riêng thì tại tục gia gọi là nữ, thọ năm giới gọi là Di, xuất gia gọi là Ni. Nhưng trong luật cũng gọi là “a-di”, “a-di” lấy pháp làm người thân.

Như thế có thể biết được giai vị của họ.

Trong phần khen ngợi ở trước, khen ngợi tự hành, như trên đã nói; kể đến từ câu “như loài rồng lớn v.v...” trở xuống là khen ngợi đức hóa tha, cũng như trên đã giải thích.

Kể đến, từ câu “cũng vào lúc sáng sớm v.v...” là nói về phụng thuận ba thứ triệu thỉnh, như trên đã giải thích.

Từ câu “trong chúng Tỳ-kheo-ni” v.v... trở xuống là phần phát tích. Có hai ý: Nói về Tích và bản; giải thích để thành tựu. Đầu tiên là nói các Tỳ-kheo ni là nêu Tích, kể đến đều là Bồ-tát là nói bản. Trước nêu vị chung nên nói “đều là”, kể đến từ câu “giai vị v.v...” trở xuống là nói riêng về giai vị cao. Nêu Bồ-tát chỉ là nói chung mà chưa phân biệt cao thấp. Vì thế giải thích Bản thì cao, Tích thì rộng.

Đầu tiên nói là rồng trong loài người, mới chỉ là trong thế gian, như rồng thì chẳng có gì lạ, mà chính là rồng trong các bậc Hiền thánh.

Kể là nói giai vị Thập địa là giải thích Bản cao; thị hiện làm thân nữ là nói về Tích rộng. Vì sao nói Tích rộng? Vì tu bốn Tâm vô lượng. Vì sao nói Bản cao? Vì đạt được định tự tại. Làm Phật còn được, hưởng chỉ các hình tượng trong chín cõi kia mà chẳng làm được ư? Có người chia đoạn này ra làm hai đôi là Bản tích và Nhân quả, nhưng nhân quả thật khó thấy.

Kể là nói về chúng Bồ-tát. Cũng gồm hai ý như trên. Đầu tiên là số triệu, lại có sáu ý: Số, loại, vị, danh, khen ngợi và kết luận.

Thứ nhất, văn ghi “một hằng hà sa” tức là nêu số lượng.

Các kinh phần lớn dùng hằng hà sa làm số lượng là có bốn nghĩa: 1. Vì nhiều người biết đến; 2. Xuống tắm dưới sông Hằng thì được phước; 3. Lớn nhất trong tám con sông; 4. Là nơi Đức Phật đản sinh, là quê hương của bậc Thánh, cho nên được dùng đến, đó chính là ý của bốn Tát-đàn.

Bồ-tát, Hán dịch là Đạo tâm, Đại đạo tâm. Thích Luận giải thích mười nghĩa của Bồ-tát:

1. Giáo hóa tất cả chúng sinh.
2. Cúng dường tất cả chư Phật.
3. Làm thanh tịnh tất cả cõi Phật.
4. Giữ gìn tất cả Phật pháp.

5. Làm cho không dứt tất cả hạt giống Phật.
6. Phân biệt rõ tất cả cõi Phật.
7. Biết rõ tất cả chúng đệ tử của Phật.
8. Phân biệt rõ tâm tất cả chúng sinh.
9. Biết dứt tất cả phiền não cho chúng sinh.
10. Biết rõ căn cơ của tất cả chúng sinh.

Mười môn này đứng đầu, còn có vô lượng a-tăng-kỳ các môn khác. Vì thế gọi là Bồ-tát ma-ha-tát, trong kinh Đại Phẩm, Đức Phật cũng tự nói mười nghĩa của Ma-ha-tát, đó là:

1. Đại trang nghiêm trong vô lượng sinh tử.
2. Xả bỏ tất cả những gì mình có.
3. Có tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh.
4. Dùng Ba thừa mà độ thoát tất cả.
5. Độ tất cả, độ tất cả rồi liền quên công đức cứu độ kia.
6. Biết rõ tất cả pháp mà chẳng sinh tướng các pháp.
7. Chỉ dùng tâm Nhất thiết trí thực hành sáu độ.
8. Nên học trí tuệ, rõ biết tất cả pháp.
9. Rõ biết các pháp là Nhất tướng.
10. Rõ biết vô lượng tướng.

Mười môn này đứng đầu nên gọi là Ma-ha-tát, ngài Long Thọ giải thích mười nghĩa này như sau:

1. Đại trang nghiêm tức chẳng tính ngày tháng năm, trong vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp sinh tử, làm lợi ích, độ thoát tất cả chúng sinh.
2. Xả bỏ tất cả những gì mình có, tức xả bỏ tất cả sang hèn ở trong ngoài mà không hối tiếc.
3. Bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, tức đối với yêu ghét, thân sơ, oán thân đều bình đẳng.
4. Dùng ba Thừa độ thoát, tức thuận theo khả năng chịu đựng của mỗi người mà giúp cho đều đến được Niết-bàn.
5. Quên công đức tức chẳng sinh tâm kia đây, cũng chẳng thấy người độ và người được độ.
6. Biết chẳng sinh, là biết tất cả pháp chẳng sinh.
7. Thực hành sáu Độ là dùng tâm thanh tịnh, không tạp nhiễm để thực hành sáu Độ, hồi hướng Nhất thiết trí.
8. Rõ biết tất cả pháp, là tất cả việc làm của thế gian đều biết rõ.
9. Môn nhất tướng là rốt ráo không, tướng Niết-bàn xa lìa ý tưởng

phân biệt.

10. Vô lượng môn là các tăng số pháp môn một, hai, ba, bốn v.v... mười môn này là đầu, nhưng còn vô lượng môn khác, vì thế gọi là Ma- ha-tát. Trong đó phải nói về bốn hàng Bồ-tát, như trong văn Biệt ký, phần nhiều khen ngợi về đức của các Bồ-tát Viên giáo.

